

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 240-TTg ngày 24-5-1993 về việc ban hành Quy chế đại học tư thực.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. - Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đại học tư thực.

Bản Quy chế này quy định những điều khoản cơ bản về thể thức thành lập, quản lý và điều hành các đại học tư thực nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo của đại học tư thực và tạo điều kiện thuận lợi cho đại học tư thực phát triển.

Điều 2. - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thi hành Quy chế này.

Điều 3. - Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ và các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIẾT

QUY CHẾ đại học tư thực

(Ban hành kèm theo Quyết định số 240-TTg ngày 24-5-1993 của Thủ tướng Chính phủ).

Chương I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. - Đại học tư thực là các cơ sở đại học do tư nhân lập ra theo Quy chế này và kinh phí hoạt động do tư nhân đầu tư hoặc đóng góp.

Cũng như các đại học công lập, đại học bán công và đại học dân lập, đại học tư thực là cơ sở đào tạo thuộc hệ thống đại học của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. - Đại học tư thực khác đại học công lập, bán công và dân lập ở nguồn đầu tư xây dựng, kinh phí hoạt động và phương thức quản lý, nhưng đều nhằm mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hiệu quả đào tạo của từng đại học tư thực, Nhà nước có thể xét hỗ trợ một phần kinh phí.

Điều 3. - Việc thành lập đại học tư thực do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo và do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp giấy phép hoạt động.

Điều 4. - Đại học tư thực thành lập theo Quy chế này có tư cách pháp nhân.

Hoạt động của Đại học tư thực không được trái pháp luật, có hại đến an ninh quốc gia, trái với truyền thống đạo đức, văn hóa của dân tộc.

Chương II

THÀNH LẬP ĐẠI HỌC TƯ THỰC

Điều 5. - Các cá nhân, các tổ chức kinh tế, xã hội đều được quyền đứng tên hoặc cùng đứng tên xin thành lập Đại học tư thực. Đối với cá nhân người nước ngoài, Việt kiều và các tổ chức tôn giáo, có quy định riêng.

Điều 6. - Muốn thành lập Đại học tư thực, trước hết phải tổ chức Hội đồng sáng lập bao gồm:

- Chủ (hoặc các chủ) đầu tư xây dựng Đại học tư thực.

- Các nhà giáo, nhà khoa học và nhà quản lý giáo dục đại học được chủ đầu tư tín nhiệm mời hỗ trợ thành lập Đại học tư thực.

Hội đồng sáng lập phải gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo đơn xin phép thành lập Đại học tư thực trong đó ghi rõ:

1. Tên Đại học tư thực,
2. Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung đào tạo và tổ chức quá trình đào tạo,
3. Địa điểm và quy hoạch xây dựng,
4. Tổng số vốn và tài sản ban đầu.

Đơn xin thành lập phải gửi kèm danh sách các thành viên Hội đồng sáng lập cùng với lý lịch hoạt động khoa học và giáo dục, hoạt động xã hội và hoạt động kinh doanh của từng người. Chỉ sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp nhận và cho phép Hội đồng sáng lập của Đại học tư thực mới được hoạt động.

Điều 7. - Trong thời hạn tối đa một năm kể từ ngày được phép hoạt động, Hội đồng sáng lập phải gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo bản dự thảo đề án tổ chức và Điều lệ hoạt động của Đại học tư thực theo hướng dẫn của Bộ.

Điều 8. - Sau khi thẩm tra và chấp thuận bản dự thảo đề án tổ chức và dự thảo Điều lệ nêu trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp cho Hội đồng sáng lập giấy phép mở trường.

Sau khi được phép mở trường, Hội đồng sáng lập tiến hành:

- Hoàn thiện cơ sở vật chất của trường.
- Đề cử Hội đồng quản trị (theo điều 11 dưới đây) và báo cáo để Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra lại. Nếu chấp thuận, Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép Đại học tư thực thành lập và chính thức hoạt động.

Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Hội đồng quản trị của Đại học tư thực và cấp giấy phép cho Đại học tư thực được chính thức hoạt động.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

A. CƠ CẤU TỔ CHỨC.

Điều 9. - Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và quy mô của trường, cơ cấu tổ chức của Đại học tư thực gồm có:

1. Các khoa đào tạo,
2. Các đơn vị nghiên cứu khoa học,
3. Các đơn vị hành chính, phục vụ.

Các tổ chức trên và các Hội đồng tư vấn được lập ra phải phù hợp với Quy chế này và được quy định trong Điều lệ của trường.

B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Điều 10. - Hội đồng quản trị có toàn quyền định ra và kiểm tra, đánh giá mọi hoạt động của Đại học tư thực.

Thành phần và số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do Hội đồng sáng lập ấn định, trong đó:

1. Không quá 2/3 số thành viên đại diện cho các chủ đầu tư do Hội đồng sáng lập (người được cấp giấy phép) giới thiệu.
2. Ít nhất phải có 1/4 số thành viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ định.

3. Ít nhất 2 thành viên đại diện cho đội ngũ cán bộ giảng dạy của Đại học tư thực, do đội ngũ cán bộ giảng dạy thường trực của Đại học tư thực bầu ra.

Điều 11. - Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xác định quy mô và ngành, nghề đào tạo, kế hoạch tuyển sinh, chương trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
2. Đề ra các biện pháp nhằm hoàn chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy và cơ sở vật chất kỹ thuật của Đại học tư thực, hoàn thiện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Đại học tư thực.
3. Trình để Bộ Giáo dục và Đào tạo xét duyệt và chấp thuận về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Đại học tư thực.
4. Quyết định việc thành lập, hợp nhất, giải tán các đơn vị cơ sở của Đại học tư thực, thông qua biên chế của Đại học tư thực.

5. Cử ra hoặc cách chức Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng; riêng với Hiệu trưởng phải có sự phê chuẩn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quyết định việc phân phối vốn vào các quỹ của Đại học tư thực và quy định việc sử dụng các quỹ đó.

Phê chuẩn quyết toán hàng năm của Đại học tư thực.

7. Quy định các chế độ về tuyển dụng, tiền lương, tiền công, phụ cấp của giáo viên, cán bộ, nhân viên; chế độ học phí, học bổng của sinh viên.

8. Thông qua kế hoạch, báo cáo công tác từng quý và cả năm của Hiệu trưởng.

Giám sát, kiểm tra hoạt động của các đơn vị trong Đại học tư thực.

9. Thông qua các kế hoạch hợp tác quốc tế của Đại học tư thực (nếu có).

10. Quyết định những vấn đề khác không thuộc trách nhiệm của riêng người nào trong bộ máy lãnh đạo Đại học tư thực.

Hội đồng quản trị của Đại học tư thực họp thường kỳ 6 tháng một lần.

Điều 12. - Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị là 5 năm.

Điều 13. - Chủ tịch Hội đồng quản trị là người lãnh đạo và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giám sát kiểm tra hoạt động của Hiệu trưởng giữa 2 kỳ họp của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là công dân Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được bầu tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng quản trị do đại diện của Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì.

C. HIỆU TRƯỞNG.

Điều 14. - Hiệu trưởng là người quản lý và điều hành mọi hoạt động của Đại học tư thực.

Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 4 năm.

Hiệu trưởng điều hành công việc của Đại học tư thực theo luật pháp và các chính sách của Nhà nước, các quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Điều lệ của trường.

Điều 15. - Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể yêu cầu Hội đồng quản trị cách chức Hiệu trưởng nếu Hiệu trưởng không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có hành động vi phạm nghiêm trọng luật pháp, vi phạm những quy định trong Quy chế này.

Điều 16. - Hiệu trưởng có quyền hạn và nhiệm vụ:

1. Đại diện cho Đại học tư thực trước pháp luật.
2. Điều hành, kiểm tra và giám sát mọi công việc hàng ngày của Đại học tư thực.
3. Quản lý tài chính, tài sản của Đại học tư thực.
4. Bổ nhiệm các giáo viên và cán bộ phụ trách các đơn vị trực thuộc của Đại học tư thực.
5. Thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị về lương, tiền công, học bổng, học phí và khen thưởng, kỷ luật cán bộ, nhân viên và sinh viên.
6. Ký các văn bằng tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
7. Báo cáo công tác hàng quý, hàng năm và các báo cáo khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương IV

TÀI CHÍNH

Điều 17. - Vốn của Đại học tư thực gồm có vốn ban đầu, các tài sản được coi như vốn và các tài sản có được trong quá trình hoạt động sau này.

Điều 18. - Nguồn vốn ở điều 17 thu được từ:

1. Vốn góp cổ phần của các chủ đầu tư.
2. Vốn thu được trong quá trình hoạt động từ các nguồn như thu học phí, các hợp đồng nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất và dịch vụ xã hội...

3. Vốn do các cá nhân và tổ chức ủng hộ hoặc tài trợ.

4. Vốn vay và từ các nguồn khác.

5. Vốn hỗ trợ của ngân sách Nhà nước (nếu có).

Điều 19. - Việc phân bổ vốn vào các loại quỹ và quy định cụ thể về sử dụng từng quỹ do Hội đồng quản trị của Đại học tư thực quyết định theo các luật lệ về tài chính của Nhà nước hiện hành.

Chương V

ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 20. - Đại học tư thực phải thực hiện nghiêm chỉnh quy chế tuyển sinh, nội dung chương trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập, cấp bằng tốt nghiệp mà Đại học tư thực đã đăng ký và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Điều 21. - Đại học tư thực được mở bất kỳ ngành đào tạo nào (trừ một số ngành đặc biệt do Nhà nước độc quyền đào tạo) nếu có đủ các điều kiện sau đây được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận:

a) Có đội ngũ cán bộ giảng dạy thường trực và thỉnh giảng với trình độ tối thiểu là cử nhân trong đó mỗi ngành đào tạo phải có đủ những cán bộ có trình độ sau đại học hoặc tương đương đúng ngành đó để bảo đảm chất lượng đào tạo.

b) Có chương trình đào tạo chi tiết, có tài liệu giảng dạy và học tập của các môn được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

c) Có các cơ sở thí nghiệm và thực tập với trang thiết bị cần thiết.

Điều 22. - Đại học tư thực được quyền cấp các văn bằng và chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 23. - Đại học tư thực được lập các cơ sở nghiên cứu khoa học trực thuộc và được xuất bản các ấn phẩm khoa học, các tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương VI

GIÁO CHỨC VÀ VIÊN CHỨC

Điều 24. - Hiệu trưởng Đại học tư thực được quyền tuyển dụng các giáo chức và viên chức làm việc cho trường theo Pháp lệnh về Hợp đồng lao động.

Điều 25. -

1. Mọi giáo chức và viên chức làm việc trong Đại học tư thực có các nghĩa vụ và quyền lợi do Đại học tư thực quy định; có quyền tham gia các tổ chức xã hội và đoàn thể phù hợp với pháp luật.

Hiệu trưởng Đại học tư thực có trách nhiệm tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội và đoàn thể này thành lập và hoạt động theo pháp luật.

2. Những người đang trong biên chế Nhà nước khi chuyển sang làm việc ở Đại học tư thực, thời gian làm việc ở Đại học tư thực vẫn được tính là thời gian công tác liên tục để hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội với điều kiện Đại học tư thực phải tiếp tục nộp bảo hiểm xã hội theo quy định của Nhà nước.

Chương VII**SINH VIÊN**

Điều 26. - Mọi công dân Việt Nam và công dân nước ngoài cư trú hợp pháp trên đất Việt Nam đều có quyền đăng ký dự tuyển vào Đại học tư thực nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Có văn bằng tương ứng cần thiết theo yêu cầu của một cấp đào tạo hay một chương trình đào tạo xác định.

b) Không thuộc diện đang trong thời gian bị truy cứu hình sự của các cơ quan pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngoài ra, tùy từng loại ngành nghề, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định một số điều kiện khác.

Điều 27. - Sinh viên Đại học tư thực có các quyền lợi về chính trị, kinh tế và xã hội như sinh viên đại học công lập.

Sinh viên có nghĩa vụ đóng học phí và thực hiện các nội quy, điều lệ của trường.

Chương VIII**KIỂM TRA, THANH TRA VÀ KỶ LUẬT**

Điều 28. - Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền kiểm tra, thanh tra hoạt động của Đại học tư thực, Đại học tư thực có trách nhiệm thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, thanh tra của Bộ.

Điều 29. - Khi thực hiện các việc sau đây, Đại học tư thực phải chịu sự kiểm tra và được sự chấp thuận của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1. Nhận sự trợ giúp về tài chính, về trang thiết bị dạy học hay các lợi ích khác từ bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào với giá trị một lần vượt quá một khoản tiền cụ thể do Bộ quy định.

2. Vay tiền một hay nhiều lần có tổng số quá 25% giá trị tài sản của Đại học tư thực tại thời điểm đó; tổng số các khoản nợ không được vượt quá giá trị tài sản của Đại học tư thực.

3. Hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và nghiên cứu khoa học với nước ngoài.

Điều 30. - Trong trường hợp Đại học tư thực ngừng dạy học quá 10 ngày liên tục ngoài các kỳ nghỉ thông thường, Hiệu trưởng có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo biết trước ít nhất 3 ngày.

Điều 31. - Khi cơ sở vật chất, trang thiết bị của Đại học tư thực không đảm bảo điều kiện giảng dạy, học tập, vệ sinh hoặc an toàn lao động, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền yêu cầu Hiệu trưởng của Đại học tư thực sửa chữa, hoàn thiện trong một khoảng thời gian nhất định, hoặc nếu thấy cần thiết, ra lệnh cho trường ngừng giảng dạy để tiến hành khắc phục.

Điều 32. - Đại học tư thực không được cho phép bất kỳ ai sử dụng danh nghĩa hoặc cơ sở của mình để tiến hành các hoạt động bất hợp pháp hoặc không phù hợp với chức năng của Đại học tư thực.

Điều 33. - Nếu Đại học tư thực không chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo hoặc không đảm bảo chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn quy định, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền:

1. Ra lệnh ngừng tuyển sinh ở một số ngành hoặc tất cả các ngành đào tạo.

2. Tước quyền cấp bằng ở một số ngành hoặc tất cả các ngành đào tạo.

3. Trình Thủ tướng Chính phủ ra quyết định đóng cửa Đại học tư thực.

Điều 34. - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền chuyển Đại học tư thực sang chịu sự giám sát của Bộ và chỉ định một Ủy ban giám sát để thực hiện các nhiệm vụ thay cho Hội đồng quản trị và công bố lệnh giám sát Đại học tư thực trên các phương tiện thông tin đại chúng khi xảy ra các trường hợp:

1. Không có đủ vốn để tiếp tục tiến hành các hoạt động, có số dư nợ lớn hơn giá trị toàn bộ tài sản của Đại học tư thực hoặc nguồn tài chính

không ổn định, ảnh hưởng tới hoạt động của Đại học tư thực.

2. Vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Quy chế này hay các quy định của Nhà nước.

3. Đã ngừng giảng dạy quá hai tháng liên tục ngoài kế hoạch.

Điều 35. - Khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra lệnh giám sát, Hiệu trưởng và các bộ phận chức năng của Đại học tư thực vẫn phải tiếp tục các nhiệm vụ của mình và duy trì trật tự công cộng, bảo vệ tài sản, đồng thời phải bàn giao ngay những tài sản này cùng với bản quyết toán, tài liệu và các tư liệu khác có liên quan tới những hoạt động và tài sản của mình cho Ủy ban giám sát Đại học tư thực.

Điều 36. - Khi xét thấy Đại học tư thực có đủ điều kiện hoạt động trở lại, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ rút lệnh giám sát và công bố việc này trên các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban giám sát phải bàn giao lại công việc và tài sản cho Hội đồng quản trị của Đại học tư thực.

Điều 37. - Khi đã có lệnh thu hồi giấy phép hoạt động, Đại học tư thực phải giao nộp tất cả các tài liệu có liên quan đến kết quả đào tạo cho Bộ Giáo dục và Đào tạo để Bộ xét cấp giấy chứng nhận kết quả học tập cho sinh viên.

Ủy ban giám sát được phép cử ra những người phụ trách thanh toán mọi khoản tài chính và tài sản của Đại học tư thực dựa trên cơ sở luật pháp, nguyên tắc tài chính của Nhà nước và điều lệ của Đại học tư thực.

Điều 38. - Các chủ đầu tư của Đại học tư thực bị thu hồi giấy phép hoạt động chỉ được xin cấp lại

giấy phép sau thời hạn hai năm kể từ ngày bị thu hồi giấy phép.

Chương IX

GIẢI THỂ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG

Điều 39. - Khi có ý định giải thể Đại học tư thực hoặc chuyển nhượng vốn góp cổ phần của Đại học tư thực cho các chủ đầu tư khác, các chủ đầu tư và Hội đồng quản trị của Đại học tư thực phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bằng văn bản những chi tiết cụ thể về việc giải thể hoặc chuyển nhượng này ít nhất ba tháng trước và được chấp thuận mới thực hiện.

Điều 40. - Đối với các trường hợp nêu ở điều 39, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền triệu tập các chủ đầu tư, Hội đồng sáng lập, những người được chuyển nhượng và những người có liên quan tới Đại học tư thực để tìm hiểu, nắm chắc tình hình, trên cơ sở đó có quyết định thích hợp.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. - Quy chế này được áp dụng cho tất cả các cơ sở Đại học tư thực kể từ ngày ban hành. Sau từng thời gian, Quy chế có thể được xem xét lại và sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với các điều kiện thực tế của xã hội.

Thủ tướng Chính phủ
VÔ VĂN KIỆT